

Phụ lục 4.

**Kết quả quan trắc môi
trường tại cơ sở**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-1

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 15/03/20224. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	65,3	0,5	30,1	1,34	1,10
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	65,1	0,4	30,2	2,22	1,61
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	64,6	0,5	30,1	2,56	1,98
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	—	—
QCVN 03:2019/BYT	—	—	—	25	15
Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,364	0,228	0,126	KPH (LOD = 2,5)	63,1
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,593	0,314	0,252	KPH (LOD = 2,5)	64,2
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,585	0,307	0,244	KPH (LOD = 2,5)	63,4
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	—	—	—	—	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	—	—	—	—
QCVN 03:2019/BYT	—	10	10	40	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-2

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 15/03/20225. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,41	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	13	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	24	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,28	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,77	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,19	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-3

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 15/03/20225. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,52	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	14	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	27	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,20	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	31	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,85	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,26	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-4

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 15/03/20225. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,02	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	53	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	96	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD = 0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	41,4	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	35,3	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,56	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-5

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 15/03/20225. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,52	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	171	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	666	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	1058	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	47,4	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	39,3	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	2,8	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ⁵	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	364	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-1

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 23/06/20224. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	64,8	0,7	32,3	KPH	KPH
K2: Khu vực xử lý nước thải	65,3	0,4	31,1	0,030	0,021
K3: Khu vực văn phòng	65,2	0,4	29,8	KPH	KPH
K4: Khu vực sân phơi	64,9	0,4	31,0	0,024	0,020
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 06:2009/BTNMT	—	—	—	0,2	0,042

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	0,178	0,080	0,066	KPH (LOD = 2,5)	64,2
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,193	0,103	0,091	KPH (LOD = 2,5)	63,8
K3: Khu vực văn phòng	0,146	0,042	0,037	KPH (LOD = 2,5)	64,6
K4: Khu vực sân phơi	0,185	0,089	0,076	KPH (LOD = 2,5)	64,1
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	—	—	—	—	≤ 70
QCVN 05:2013/BTNMT	0,30	0,35	0,20	30	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện ASTN: Ánh sáng tự nhiên
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-2

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 23/06/2022

4. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải		64,3	0,4	30,6	1,10	0,85
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1		65,2	0,4	30,8	2,17	1,64
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2		64,1	0,4	30,1	2,26	1,93
Phương pháp đo, xác định		QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT		40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT		–	–	–	25	15
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải		0,336	0,228	0,131	KPH (LOD = 2,5)	66,6
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1		0,560	0,316	0,220	KPH (LOD = 2,5)	68,8
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2		0,541	0,320	0,232	KPH (LOD = 2,5)	68,7
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT		–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT		8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT		–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Chức vụ: Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-3

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 23/06/20225. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,43	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	23	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,18	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	21	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,74	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,13	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-4

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 23/06/20225. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,36	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	13	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	25	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,14	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	24	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,85	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,19	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,4 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc


Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-5

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 23/06/20225. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,21	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	85	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	103	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	32,4	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	37,3	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,24	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-6

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 23/06/20225. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,40	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	181	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	785	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	1293	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	71,4	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	68,8	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	7,2	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ⁵	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	534	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-1

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 10/09/20224. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	66,8	0,4	30,7	1,12	0,93
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	66,3	0,4	30,8	2,04	1,35
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	67,2	0,4	30,9	2,28	1,71
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,388	0,241	0,113	KPH (LOD = 2,5)	64,4
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,612	0,330	0,245	KPH (LOD = 2,5)	65,3
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,597	0,326	0,231	KPH (LOD = 2,5)	65,8
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-2

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 10/09/20225. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,39	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	22	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,21	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	24	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,82	10	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,14	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-3

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 10/09/20225. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,31	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	13	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	24	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,17	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,91	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,16	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,0 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-4

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 10/09/20225. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,31	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	82	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	95	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD = 0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	48,2	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	39,6	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD = 0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,71	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-5

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 10/09/20225. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,38	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	140	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	583	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	996	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	56,3	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	48,2	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	4,7	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ⁵	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	391	-	50	TCVN 6185:2013
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Lần ban hành: 01-2020



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227925 - 227928

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 22/11/20224. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	65,1	0,4	32,4	KPH	KPH
K2: Khu vực xử lý nước thải	63,3	0,5	31,7	0,034	0,025
K3: Khu vực văn phòng	58,8	< 0,4	29,2	KPH	KPH
K4: Khu vực sân phơi	66,1	0,4	31,3	0,020	0,018
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 06:2009/BTNMT	—	—	—	0,2	0,042

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	0,186	0,090	0,081	KPH (LOD = 2,5)	64,9
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,195	0,112	0,096	KPH (LOD = 2,5)	66,2
K3: Khu vực văn phòng	0,150	0,046	0,042	KPH (LOD = 2,5)	62,2
K4: Khu vực sân phơi	0,193	0,095	0,087	KPH (LOD = 2,5)	65,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	—	—	—	—	≤ 70
QCVN 05:2013/BTNMT	0,30	0,35	0,20	30	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện ASTN: Ánh sáng tự nhiên
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227929 – 227931

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 22/11/20224. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	62,8	0,4	30,2	1,23	0,92
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	63,7	0,4	30,3	2,26	1,51
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	61,9	0,4	30,4	2,38	1,77
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,346	0,257	0,122	KPH (LOD = 2,5)	65,8
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,558	0,339	0,242	KPH (LOD = 2,5)	67,4
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,573	0,364	0,269	KPH (LOD = 2,5)	67,2
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227932

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 22/11/20225. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,20	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	24	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,21	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,85	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,19	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227933

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 22/11/20225. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,31	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	13	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	25	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,16	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	29	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,1	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,23	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,9 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227934

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 22/11/20225. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,10	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	72	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	96	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	25,1	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	28,2	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,16	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc BáuGhi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227935

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 22/11/20225. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,20	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	236	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	813	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	1592	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	88,6	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	83,1	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	12,4	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ⁶	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	493	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

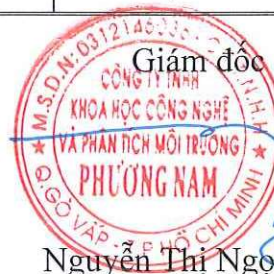
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 220330-6

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

- 2. Phân loại mẫu :** Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý
4. Ngày lấy mẫu : 15/03/2022
5. Ngày trả kết quả : 22/03/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,20	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	17	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	22	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	39	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	10,8	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,1	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,33	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	4,6 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	18	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu



Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221100-7

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu : 23/06/2022

5. Ngày trả kết quả : 30/06/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,34	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	11	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	15	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	33	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	6,1	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,2	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,18	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	16	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 221521-6

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu : 10/09/2022

5. Ngày trả kết quả : 19/09/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,36	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	20	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	46	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	12,1	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,8	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,44	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,0 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	23	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227936

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý4. Ngày lấy mẫu : 22/11/20225. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,21	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	13	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	18	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	40	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	7,3	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,6	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,25	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	14	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Báu**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231521

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 20/03/20235. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,38	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	25	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,19	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	24	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,85	10	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,21	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,4 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231520

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 20/03/20235. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,46	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	10	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	23	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,28	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	21	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,76	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,18	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231522

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 20/03/20235. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,18	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	76	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	80	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	39,6	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	28,7	250	SMEWW 4500-Cl.B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,51	15	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231517 - 231519

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

4. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	59,2	0,4	31,2	1,23	0,86
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	60,4	0,4	31,6	1,94	1,10
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	61,3	0,4	31,4	2,15	1,42
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,398	0,220	0,106	KPH (LOD = 2,5)	66,1
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,663	0,314	0,228	KPH (LOD = 2,5)	65,8
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,570	0,291	0,214	KPH (LOD = 2,5)	66,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231523

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 20/03/20235. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,51	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	117	-	50	TCVN 6625:2009
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	520	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	1061	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	82,4	-	20	TCVN 6638:2009
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	71,7	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,2	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Coliform	MPN/100ml	3,6 x 10 ⁵	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	284	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231524

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý4. Ngày lấy mẫu : 20/03/20235. Ngày trả kết quả : 30/03/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,41	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	22	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	17	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	36	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	10,8	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,3	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	KPH	0,02	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,4 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	18	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234690 - 234693

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh

3. Ngày lấy mẫu : 06/06/2023

4. Ngày trả kết quả : 16/06/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	68,3	0,4	32,6	KPH	KPH
K2: Khu vực xử lý nước thải	65,9	0,6	32,1	0,031	0,028
K3: Khu vực văn phòng	60,2	< 0,4	29,5	KPH	KPH
K4: Khu vực sân phơi	64,4	0,7	32,2	0,024	0,020
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 06:2009/BTNMT	—	—	—	0,2	0,042

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	0,193	0,096	0,090	KPH (LOD = 2,5)	65,2
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,187	0,105	0,091	KPH (LOD = 2,5)	67,3
K3: Khu vực văn phòng	0,162	0,053	0,048	KPH (LOD = 2,5)	63,8
K4: Khu vực sân phơi	0,196	0,088	0,080	KPH (LOD = 2,5)	66,4
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	—	—	—	—	≤ 70
QCVN 05:2013/BTNMT	0,30	0,35	0,20	30	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện ASTN: Ánh sáng tự nhiên
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234694 - 234666

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 06/06/20234. Ngày trả kết quả : 16/06/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ ° C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	62,4	0,4	31,7	1,12	0,80
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	63,1	0,4	31,8	1,75	1,03
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	62,8	0,4	31,9	1,96	1,22
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15
Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,412	0,203	0,134	KPH (LOD = 2,5)	65,4
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,678	0,291	0,251	KPH (LOD = 2,5)	66,9
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,555	0,272	0,226	KPH (LOD = 2,5)	67,2
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234667

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 06/06/20235. Ngày trả kết quả : 16/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,20	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	22	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,20	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	23	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,85	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,21	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,4 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234668

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 06/06/20235. Ngày trả kết quả : 16/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,29	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	13	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	25	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,17	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,96	10	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,25	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,0 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 234669

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm**3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm****4. Ngày lấy mẫu : 06/06/2023****5. Ngày trả kết quả : 16/06/2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,32	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	93	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	106	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	42,7	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	33,1	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,48	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**Mã số phiếu: **234670****1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải**3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý****4. Ngày lấy mẫu : 06/06/2023****5. Ngày trả kết quả : 16/06/2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,20	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	134	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	481	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	996	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	88,3	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	82,2	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	5,7	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ⁵	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	260	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234671

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu : 06/06/2023

5. Ngày trả kết quả : 16/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,32	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	20	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	46	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	13,3	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	1,8	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	KPH	0,02	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,9 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu
**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2311165 - 2311167

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 18/09/20234. Ngày trả kết quả : 25/09/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	61,7	0,4	30,8	1,18	0,77
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	62,5	0,5	30,5	1,82	1,02
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	63,1	0,4	31,7	2,01	1,29
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,403	0,211	0,112	KPH (LOD = 2,5)	67,0
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,587	0,305	0,207	KPH (LOD = 2,5)	64,5
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,545	0,272	0,195	KPH (LOD = 2,5)	68,1
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2311168

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 18/09/20235. Ngày trả kết quả : 25/09/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,28	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	8	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	19	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,52	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	17	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,58	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,22	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,2 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2311169

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt**3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 2****4. Ngày lấy mẫu : 18/09/2023****5. Ngày trả kết quả : 25/09/2023**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,44	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	14	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	26	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,35	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,92	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,24	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, áp dụng cột B1



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2311170

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm4. Ngày lấy mẫu : 18/09/20235. Ngày trả kết quả : 25/09/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,22	5,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	81	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	120	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	31,2	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	25,8	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,46	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2311171

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý4. Ngày lấy mẫu : 18/09/20235. Ngày trả kết quả : 25/09/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,31	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	125	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	618	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	1353	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	79,6	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	76,2	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	5,7	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ⁶	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	297	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2311172

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải**3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý****4. Ngày lấy mẫu : 18/09/2023****5. Ngày trả kết quả : 25/09/2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,68	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	27	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	56	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	12,4	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	3,1	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	KPH	0,02	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	22	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	0,75	-	0,2	US EPA Method 376.2

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu



Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315091 - 2315094

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 02/12/20234. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	65,2	0,4	32,2	KPH	KPH
K2: Khu vực xử lý nước thải	64,1	0,7	32,5	0,038	0,031
K3: Khu vực văn phòng	63,3	< 0,4	28,7	KPH	KPH
K4: Khu vực sân phơi	65,8	0,4	32,6	0,026	0,024
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 06:2009/BTNMT	—	—	—	0,2	0,042

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	0,202	0,101	0,085	KPH (LOD = 2,5)	64,3
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,191	0,108	0,096	KPH (LOD = 2,5)	64,1
K3: Khu vực văn phòng	0,178	0,072	0,065	KPH (LOD = 2,5)	65,2
K4: Khu vực sân phơi	0,203	0,093	0,081	KPH (LOD = 2,5)	64,2
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	—	—	—	—	≤ 70
QCVN 05:2013/BTNMT	0,30	0,35	0,20	30	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện ASTN: Ánh sáng tự nhiên
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315095 - 2315097

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 02/12/20234. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	61,9	0,4	31,4	1,26	0,93
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	58,7	< 0,4	31,3	1,88	1,12
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	56,6	< 0,4	31,2	1,81	1,15
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 26:2016/BYT	40 – 80	0,1 – 1,5	20 – 34	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	–	–	25	15

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực tiếp nhận bùn thải	0,468	0,229	0,142	KPH (LOD = 2,5)	64,7
K2: Khu vực sản xuất phân bón 1	0,693	0,312	0,271	KPH (LOD = 2,5)	65,2
K3: Khu vực sản xuất phân bón 2	0,585	0,286	0,250	KPH (LOD = 2,5)	65,8
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 24:2016/BYT	–	–	–	–	≤ 85
QCVN 02:2019/BYT	8	–	–	–	–
QCVN 03:2019/BYT	–	10	10	40	–

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315098

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt suối Đôn mẫu 14. Ngày lấy mẫu : 02/12/20235. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tham khảo QCVN 08-MT:2015 /BTNMT, Cột B1 (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,31	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	14	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	27	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,16	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	28	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,2	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,28	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,4 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Giám đốc

Ngô Thị Bích Thuận

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (*) Tham khảo theo yêu cầu của khách hàng QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, áp dụng cột B1



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315099

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước mặt3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt suối Đôn mẫu 24. Ngày lấy mẫu : 02/12/20235. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tham khảo QCVN 08-MT:2015 /BTNMT, Cột B1 (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,42	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	15	15	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	29	30	SMEWW 5220C:2017
4	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,11	≥ 4	TCVN 7325:2016
5	TSS	mg/l	32	50	TCVN 6625:2000
6	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .E:2017
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,5	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,33	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD = 0,3)	1	SMEWW 5520B:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100ml	KPH	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (*) Tham khảo theo yêu cầu của khách hàng QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, áp dụng cột B1

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315100

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước ngầm

3. Ký hiệu mẫu : NN – Nước ngầm

4. Ngày lấy mẫu : 02/12/2023

5. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023 /BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,19	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	85	500	SMEWW 2340C:2017
3	TDS	mg/l	124	1500	HD66-ĐO (TDS)
4	COD (KMnO ₄)	mg/l	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 6186:1996
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	53,6	400	SMEWW 4500-SO ₄ E:2017
6	Clorua	mg/l	28,2	250	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
7	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH (LOD=0,005)	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,35	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Coliforms	MPN100ml	< 3	3	TCVN 6187-2:1996
10	E. Coli	MPN/100ml	KPH	Không phát hiện thấy	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**Mã số phiếu: **2315101****1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải**3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý****4. Ngày lấy mẫu : 02/12/2023****5. Ngày trả kết quả : 12/12/2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,46	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	108	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	351	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	766	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nitơ	mg/l	108	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	104	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	11,2	-	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ⁶	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	278	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315091 - 2315094

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 02/12/20234. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

Chỉ tiêu	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Nhiệt độ °C	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	65,2	0,4	32,2	KPH	KPH
K2: Khu vực xử lý nước thải	64,1	0,7	32,5	0,038	0,031
K3: Khu vực văn phòng	63,3	< 0,4	28,7	KPH	KPH
K4: Khu vực sân phơi	65,8	0,4	32,6	0,026	0,024
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 5293:1995	MASA Method 701
QCVN 06:2009/BTNMT	—	—	—	0,2	0,042

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng ra vào	0,202	0,101	0,085	KPH (LOD = 2,5)	64,3
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,191	0,108	0,096	KPH (LOD = 2,5)	64,1
K3: Khu vực văn phòng	0,178	0,072	0,065	KPH (LOD = 2,5)	65,2
K4: Khu vực sân phơi	0,203	0,093	0,081	KPH (LOD = 2,5)	64,2
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO	TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	—	—	—	—	≤ 70
QCVN 05:2013/BTNMT	0,30	0,35	0,20	30	—

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện LOD: Giới hạn phát hiện ASTN: Ánh sáng tự nhiên
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2315102

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY PHÂN BÓN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Hoà Vinh, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải sau xử lý4. Ngày lấy mẫu : 02/12/20235. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,48	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	SS	mg/l	15	-	50	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	19	-	30	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	39	-	75	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng Nito	mg/l	8,2	-	20	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,6	-	5	TCVN 5988:1995
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	KPH	0,02	4	SMEWW 4500- P.B&E :2017
8	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ²	-	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Màu (pH = 7)	Pt/Co	15	-	50	TCVN 6185:2015
10	Asen	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
11	Thủy ngân	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
12	Chì	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
13	Cadimi	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
15	Crom (III)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
16	Đồng	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
18	Niken	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
19	Sắt	mg/l	KPH	0,08	1	TCVN 6177:1996
20	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,001	0,1	SMEWW 5530B&C:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	0,3	5	SMEWW 5520 B&F:2017

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Sunfua	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phụ lục 5.

**Báo cáo đánh giá tác động
môi trường và quyết định phê
duyet kết quả báo cáo đánh
giá tác động môi trường**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005 (Điều 22, 23);

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (Điều 19, 20);

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (Điều 15);

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 604/TTr-S TNMT ngày 11/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) do Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư) với các nội dung sau:

1. Vị trí, công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện dự án: ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.2. Công suất của dự án:

- Xử lý bùn không nguy hại (tái chế thành phân bón): 100 tấn/ngày (30.000 tấn/năm).
- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh: 60.000 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ và nước thải phát sinh từ các hoạt động khác phải thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải của dự án phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận (suối Đôn). Tất cả các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải phải có biện pháp chống thấm. Đối với sân phơi bùn phải được xây dựng có kết cấu bê tông và có mương thu nước mưa dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo bùn phải được che chắn khi trời mưa.

2.2. Trong quá trình đi vào hoạt động của dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn theo quy định tại các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT và độ rung theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 27:2010/BTNMT. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi, mùi hôi và các khí độc hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Nồng độ bụi, các khí độc hại trong không khí xung quanh phải đảm bảo đạt các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p = 1$, $K_v = 1,2$), QCVN 20:2009/BTNMT.

2.3. Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất phát sinh từ dự án theo các quy định pháp luật và các nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.4. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

2.7. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, không khí và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.8. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 46/UBND ngày 04/9/2014 của UBND xã Thành Tâm về việc chấp thuận về mặt môi trường của Dự án “Nhà máy tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm” và Công văn số 06/CV/MTTQ ngày 04/9/2014 của UBND xã Thành Tâm về việc chấp thuận về mặt môi trường của Dự án “Nhà máy tái chế bùn

thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm”; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

3. Các yêu cầu khác:

Trước khi đi vào hoạt động, Chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy phép sản xuất phân bón theo quy định tại Nghị định 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về Quản lý phân bón.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án.
2. Nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động của Dự án.
3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Thành Tâm, Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, PCT;
- Như Điều 6;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT(HH. 70).

KỶ CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lợi

Số: ~~1081~~ /UBND-KT

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2019

V/v điều chỉnh, bổ sung nội
dung Báo cáo đánh giá tác động
môi trường Nhà máy tái chế bùn
thải không nguy hại làm phân
bón, công suất 60.000 tấn/năm

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Chơn Thành;
- Công ty TNHH KHCN Môi trường Quốc Việt.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 762/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2019 về việc điều chỉnh bổ sung nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn/năm - Công ty TNHH KHCN môi trường Quốc Việt, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt được sản xuất thêm 08 loại sản phẩm phân bón gồm: 02 loại phân hữu cơ sinh học và 06 loại phân hữu cơ khoáng nhằm đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Yêu cầu Công ty trong quá trình hoạt động: phải thực hiện theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh và những nội dung thay đổi đã được cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường chấp thuận; thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý chất thải đạt QCVN trước khi thải ra môi trường; định kỳ hàng quý phải báo cáo hoạt động sản xuất của Nhà máy để các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón, công suất 60.000 tấn/năm - Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như trên;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT CV 46).

